

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
16	Tiếng Anh 1	English I	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
17	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5	1*	1*	1*	1*	1*				
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			112									
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			31									
18	Đồ họa kỹ thuật 1	Technical Graphics I	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	2		2							
19	Đồ họa kỹ thuật 2	Technical Graphics 2	DRAW324	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
20	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2			2						
21	Thực tập trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1			1						
22	Cơ học cơ sở 1	Engineering Mechanics I	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3		3							
23	Cơ học cơ sở 2	Engineering Mechanics 2	MECH224	Cơ học kỹ thuật	3			3						
24	Cơ học chất lỏng	Fluid Mechanics	FLME214	Thủy lực	3				3					
25	Sức bền vật liệu 1	Strength of Materials I	CE214	Sức bền - Kết cấu	3				3					
26	Sức bền vật liệu 2	Strength of Materials 2	CE325	Sức bền - Kết cấu	2				2					
27	Địa chất công trình	Engineering Geology	GEOT214	Địa kỹ thuật	2				2					
28	Thực tập địa chất công trình	Practice of Geology Engineering	GEOT324	Địa kỹ thuật	1				1					
29	Cơ học kết cấu 1	Mechanics of Engineering Structures I	CE315	Sức bền - Kết cấu	3					3				
30	Cơ học kết cấu 2	Mechanics of Engineering Structures 2	CE326	Sức bền - Kết cấu	2					2				
31	Thống kê trong kỹ thuật	Statistics in Engineering	STEN 212	Thủy văn và Biến đổi khí hậu	2			2						
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			20									
32	Vật liệu xây dựng	Civil Engineering Materials	CE316	Vật liệu xây dựng	3				3					
33	Ổn định và động lực học công trình	Stability and Dynamics of Structures	SDS316	Sức bền - Kết cấu	2					2				
34	Phương pháp phần tử hữu hạn	Finite Element Method	FEM376	Sức bền - Kết cấu	3						3			
35	Cơ học đất	Soil Mechanics	GEOT325	Địa kỹ thuật	3					3				

[illegible]

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
52	Đồ án kết cấu nhà bê tông cốt thép	Project of Reinforced Concrete Building Structures	CEST457	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1							1		
53	Kết cấu nhà thép	Steel Building Structure	CEST467	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	3							3		
54	Kỹ thuật thi công công trình dân dụng và công nghiệp	Construction of civil and industrial buildings	CEST421	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2							2		
55	Đồ án thi công công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp	Project of Building construction	CEST422	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1							1		
56	Kết cấu liên hợp thép - bê tông	Composite Steel - Concrete Structure	CEST458	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2								2	
57	Cơ sở thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp	Basic Engeneering Design	CEST468	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2								2	
58	Đồ án kết cấu nhà thép	Project of Steel Building Structure	CEST477	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1								1	
59	Thiết kế kết cấu công trình đặc biệt	Design of Special Structures	CEST428	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2								2	
60	Kết cấu nhà nhiều tầng	Multistory Building Structure	CEST448	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2								2	
61	Tổ chức thi công công trình dân dụng và công nghiệp	Organization in Construction	CEST420	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2								2	
62	Đồ án tổ chức thi công công trình dân dụng và công nghiệp	Project of Organization in Construction	CEST489	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1								1	
II.4	Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp	Internship for graduation & Graduation thesis			15									15
63	Thực tập tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng	Internship for graduation	CEST418	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	8									8
64	Đồ án tốt nghiệp	Graduation thesis		Xây dựng dân dụng và công nghiệp	7									7
II.5	Kiến thức tự chọn	Selectives			4							2	2	

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
1	Mố trụ cầu	Abutment and Pier of Bridge	CETT418	Công trình giao thông	2							2		
2	Thiết kế Cầu thép	Design of Steel Bridge	CETT448	Công trình giao thông	2							2		
3	Công nghệ xây dựng nhà	Building Construction Technology	CEST424	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2							2		
4	An toàn xây dựng	Construction Safety Management	CET447	Công nghệ và quản lý xây dựng	2								2	
5	Nền móng và tầng hầm nhà nhiều tầng	Foundation of Multistory Building	GEOT422	Địa kỹ thuật	2								2	
6	Thiết kế công trình ngầm	Design of Underground Structures	GEOT428	Địa kỹ thuật	2								2	
7	Sửa chữa và gia cường kết cấu	Repaire and strengthening structure	CEST488	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2								2	
	Tổng cộng (I + 2)	Total (I + 2)			155	12	18	20	19	20	19	18	14	15